

Số: 4921/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Căn cứ Công văn số 4239/ĐHQGHN-DT ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc đồng ý cho đơn vị kí quyết định ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo và của Hiệu trưởng Trường Quốc tế tại Công văn số 1439/TQT-SDH ngày 15 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, định hướng ứng dụng, chuyên ngành Quản trị tài chính, mã số: 8340202.01

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Quốc tế và trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Phó Giám Đốc Nguyễn Hoàng Hải (để b/c);
- Lưu: VT, SDH, KTQL, P3.



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4921/QĐ-ĐHQGHN ngày 20.. tháng 12 năm 2023
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

MÃ SỐ: 8340202.01QTD (CHUYÊN NGÀNH THÍ ĐIỂM)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo
- + Tiếng Việt: Quản trị tài chính
- + Tiếng Anh: Financial Management
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8340202.01
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh
- Thời gian đào tạo: 24 tháng
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Financial Management
- Đơn vị đào tạo: Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
- Đơn vị cấp bằng: Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Thạc sĩ Quản trị tài chính hướng ứng dụng nhằm đào tạo các chuyên gia, quản lý tài chính trong tương lai với nền tảng kiến thức rộng và chuyên sâu về lĩnh vực cụ thể thuộc về quản trị tài chính. Chương trình cung cấp các khái niệm nền tảng và nâng cao, các nguyên tắc quan trọng làm cơ sở cho việc đưa ra các quyết định tài chính, các kỹ thuật được sử dụng trong việc phân tích và ra quyết định tài chính, và phân tích sâu các lý thuyết tài chính quan trọng và ứng dụng của các lý thuyết đó ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế. Bên cạnh các kiến thức về lý thuyết và ứng dụng liên quan tới phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư, chương trình cũng đề cập tới vai trò và các đặc điểm của các thị trường và thể chế tài chính.

Ngoài ra, chương trình cũng cung cấp các kiến thức quan trọng và cập nhật về hoạt động ngân hàng và tài chính như các quy định mới hay các vấn đề tài chính trong các thị trường mới nổi (các nước đang phát triển).

2.2. Mục tiêu cụ thể

- + Cập nhật và mở rộng các kiến thức chuyên sâu và mang tính ứng dụng về tài chính, quản trị tài chính và vận dụng thực tiễn trong các tình huống kinh doanh.
- + Phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính và kinh tế.
- + Nâng cao khả năng độc lập, tự chủ, chịu trách nhiệm trong các công việc chuyên môn tài chính và quản trị tài chính.
- + Cung cấp các phương pháp nghiên cứu để tiếp cận các vấn đề mới về chuyên môn trong lĩnh vực tài chính và kinh tế.

3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế đào tạo, Hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh của đơn vị được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

3.1. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo Hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN và đề án tuyển sinh của Trường Quốc tế được ĐHQGHN phê duyệt.
- Xét tuyển bao gồm đánh giá hồ sơ và phỏng vấn

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Đối với phương thức xét tuyển thẳng

3.2.1.1. Điều kiện về văn bằng đại học

Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội và đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

- + Tốt nghiệp đại học chính quy các ngành phù hợp hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ) thuộc các chương trình đào tạo tài năng, tiên tiến, chuẩn quốc tế, chất lượng cao (được nhà nước đầu tư), bao gồm các ngành Tài chính - Ngân hàng, Kinh doanh quốc tế (định hướng tài chính), Kế toán - Phân tích - Kiểm toán.
- + Tốt nghiệp đại học chính quy các ngành phù hợp hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ) thuộc các chương trình đào tạo đã được kiểm định (bởi các tổ chức kiểm định quốc tế có uy tín như AUN-QA, ABET hoặc các tổ chức kiểm định của Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận) hoặc còn thời hạn kiểm định trong thời gian thí sinh học tập trình độ đại học, bao gồm các ngành Tài chính - Ngân hàng, Kinh doanh quốc tế (định hướng tài chính), Kế toán - Phân tích - Kiểm toán.

+ Tốt nghiệp đại học chính quy các ngành phù hợp hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng (tính đến ngày nộp hồ sơ) thuộc các chương trình đào tạo chuẩn, chất lượng cao theo Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT của Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm các ngành Tài chính - Ngân hàng, Kinh doanh quốc tế (định hướng tài chính), Kế toán - Phân tích - Kiểm toán.

3.2.1.2. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh)

Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ (quy định tại mục 3.2.2.2) tại thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển.

3.2.1.3. Quy định về mức điểm thưởng thành tích nghiên cứu khoa học

Điểm thưởng về thành tích nghiên cứu khoa học có thể được cộng thêm vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa của thí sinh để xét tuyển thẳng và được quy định theo Hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hằng năm của ĐHQGHN.

3.2.2. Đối với phương thức xét tuyển

3.2.2.1. Điều kiện về văn bằng đại học

- Xét tuyển đối với ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp, thỏa mãn một trong các điều kiện dưới đây:

+ Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng – Bảo hiểm; nhóm ngành Kinh doanh, Kinh tế học có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính; ngành Kế toán – Phân tích – Kiểm toán đủ điều kiện xét tuyển và không phải học bổ sung kiến thức.

+ Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh, Kinh tế học (không định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính), nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán, và các ngành: Quan hệ quốc tế, Quản trị nhân lực, Luật kinh tế, Khoa học quản lý, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống được xét tuyển sau khi hoàn thành bổ sung kiến thức 03 học phần (09 tín chỉ).

+ Nhóm 3: Đối với các trường hợp tốt nghiệp đại học ngành khác, nếu được Hội đồng tuyển sinh sau đại học và Đại học Quốc gia Hà Nội đồng ý, đủ điều kiện xét tuyển sau khi hoàn thành bổ sung kiến thức 07 học phần (21 tín chỉ).

Lưu ý: Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.

3.2.2.2. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh)

- Ứng viên dự tuyển chương trình dạy bằng Tiếng Việt phải có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại thời điểm đăng kí dự tuyển.

- Ứng viên dự tuyển chương trình dạy bằng Tiếng Anh phải có năng lực ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam tại thời điểm đăng ký dự tuyển.

Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển với điều kiện thí sinh có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (đủ 4 kỹ năng) để xét và công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (chứng chỉ ngoại ngữ gửi kèm hồ sơ đăng ký dự tuyển).

+ Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 (đối với chương trình đào tạo tiếng Việt), và bậc 4 (đối với chương trình đào tạo bằng tiếng Anh) trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

Ghi chú: Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức:

Nhóm 1: Có bằng tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) các ngành thuộc nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; nhóm ngành Kinh doanh, Kinh tế học có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng; ngành Kế toán - Phân tích - Kiểm toán.

Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức:

+ Nhóm 2: Có bằng tốt nghiệp đại học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh, Kinh tế học (không định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính), nhóm ngành Kế toán - Kiểm toán, và các ngành: Quan hệ quốc tế, Quản trị nhân lực, Luật kinh tế, Khoa học quản lý, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống phải học bổ sung kiến thức 03 học phần (09 tín chỉ) sau:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3
2	Quản trị học	3
3	Tài chính doanh nghiệp	3
	Tổng cộng	9

+ Nhóm 3: Đối với các trường hợp tốt nghiệp đại học ngành khác, nếu được Hội đồng tuyển sinh sau đại học và Đại học Quốc gia Hà Nội đồng ý, phải học bổ sung kiến thức 07 học phần (21 tín chỉ) sau:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế tiền tệ - ngân hàng	3
2	Quản trị học	3
3	Tài chính doanh nghiệp	3
4	Toán xác suất và thống kê	3
5	Nguyên lý kế toán	3
6	Nguyên lý marketing	3
7	Kinh tế học	3
	Tổng cộng	21

Ghi chú: Ứng viên thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được xem xét miễn các học phần tương đương đã tích lũy ở bậc đại học, được thể hiện trong phụ lục cấp kèm theo bằng tốt nghiệp đại học.

3.4. Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: 25 học viên/năm

Dự kiến tuyển sinh hàng năm 25 học viên, được tuyển thành các đợt theo kế hoạch chung của ĐHQGHN (trong đó hàng năm có phân bổ và được ĐHQGHN phê duyệt chỉ tiêu xét tuyển thẳng).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO 1: Phân tích các lý thuyết, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; ngoại ngữ (tiếng Anh) và vận dụng được những kiến thức nói trên trong học tập, nghiên cứu và tác nghiệp;

PLO 2: Phân tích các kiến thức nền tảng và nâng cao về kinh tế vi mô và vĩ mô, tài chính doanh nghiệp, kế toán quản trị và các phương pháp định lượng ứng dụng vào phân tích các vấn đề kinh tế và tài chính;

PLO 3: Đánh giá một cách đầy đủ về các lý thuyết, công cụ và các quy tắc trong hoạt động tài chính, thị trường tài chính;

PLO 4: Đánh giá những vấn đề thực tiễn từ những lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị tài chính bao gồm tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro tài chính;

PLO 5: Kết nối các công cụ và giải pháp trong việc thực hành quản trị tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính và quản trị rủi ro tài chính.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

PLO 6: Thiết lập kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn thông qua việc vận dụng lý thuyết liên quan đến quản trị tài chính, quản trị rủi ro và đầu tư dưới các bối cảnh khác nhau của kinh tế, xã hội, đạo đức, thể chế và phương diện toàn cầu;

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

PLO 7: Phát triển kỹ năng tổng hợp và phân tích các vấn đề phức tạp trong hệ thống tài chính trong nước và quốc tế dưới bối cảnh thông tin đa chiều và thực tiễn ngành;

PLO 8: Phát triển khả năng tư duy, nghiên cứu, tổng hợp, thể hiện các kết quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn quản trị tài chính;

PLO 9: Thiết lập kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch, giao việc, sơ đồ hóa và kiến tạo từ kết quả nghiên cứu và thực tế hóa những phát kiến ứng dụng cho thực tiễn quản trị tài chính;

PLO 10: Phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, thuyết phục để đạt được mục tiêu kinh doanh; giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương bậc B2 hoặc IELTS 5.5;

PLO 11: Phát triển kỹ năng sử dụng phần mềm Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh tế.

3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 12: Thiết lập khả năng học hỏi và làm việc theo nhóm để tạo ra các giải pháp trong quản trị tài chính, xây dựng và quản lý danh mục đầu tư, trong quản trị rủi ro tài chính;

PLO 13: Duy trì khả năng hỗ trợ, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nắm bắt, nhận định, phân tích và đánh giá các nguồn thông tin kinh tế và tài chính cũng như các vấn đề phức tạp của hệ thống kinh tế- tài chính quốc tế.

PLO 14: Kết nối phương pháp luận với chuyên môn thực tiễn nghề nghiệp để thực hiện các hoạt động quản trị tài chính nhằm gia tăng hiệu quả nhận thức đầy đủ về quy tắc nghề nghiệp và quy định môi trường thể chế.

PLO 15: Hình thành phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có trách nhiệm, chủ động, chính trực trong học tập và công việc.

4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận các vị trí chuyên viên, tư vấn chiến lược, quản lý tại các công ty, tập đoàn trong và ngoài nước, các tổ chức phi chính phủ bao gồm:

- Chuyên viên cao cấp hoặc quản lý phụ trách tài chính của doanh nghiệp. Học viên có đủ kiến thức và kỹ năng để đảm nhận các vị trí quản lý trong doanh nghiệp như trưởng phòng, giám đốc bộ phận, giám đốc doanh nghiệp.

- Chuyên viên hoặc quản lý phân tích tài chính, tư vấn hoạch định chiến lược cho doanh nghiệp.

- Chuyên viên cao cấp về quản trị rủi ro và quản trị tài chính trong các ngân hàng, định chế tài chính

- Chuyên viên phân tích, quản lý đầu tư các công ty chứng khoán.

- Nghiên cứu viên và giảng viên ở các cơ sở giáo dục đại học. Học viên có thể tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu hơn và thực hiện các công việc giảng dạy các học phần liên quan đến tài chính.

- Khởi nghiệp và giám đốc điều hành doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh hoặc các lĩnh vực khác.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu hơn về các đề tài thuộc ngành học có liên quan đến ngành đào tạo.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: 9 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 33 tín chỉ

- + Bắt buộc: 18 tín chỉ

- + Tự chọn: 15 tín chỉ/ 36 tín chỉ

- Khối kiến thức tốt nghiệp: 18 tín chỉ

- + Thực tập thực tế 1: 4 tín chỉ

- + Thực tập thực tế 2: 5 tín chỉ

- + Đề án tốt nghiệp: 9 tín chỉ



2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)	Tự học (3)	
I. Khối kiến thức chung (9 tín chỉ)							
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	45	30	125	
2	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	45	60	145	
II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (33 tín chỉ)							
II.1. Khối kiến thức cơ sở (15 tín chỉ)							
Các học phần bắt buộc (9 tín chỉ)							
3	INS6049	Phân tích kinh tế <i>Economic Analysis</i>	3	30	30	90	
4	INS6057	Tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Corporate Finance</i>	3	30	30	90	
5	INS6058	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	3	30	30	90	
Các học phần lựa chọn (6/15 tín chỉ)							
6	INS6059	Các phương pháp định lượng trong Quản trị và Tài chính <i>Quantitative Methods in Management and Finance</i>	3	30	30	90	
7	INS6060	Kế toán quản trị <i>Management Accounting</i>	3	30	30	90	
8	INS6061	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	30	30	90	
9	INS6062	Lãnh đạo <i>Leadership</i>	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)	Tự học (3)	
10	INS7093	Marketing số <i>Digital Marketing</i>	3	30	30	90	
II.2.	Khối kiến thức chuyên ngành (18 tín chỉ)						
	<i>Các học phần bắt buộc (9 tín chỉ)</i>						
11	INS7094	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>Investment Analysis & Portfolio Management</i>	3	30	30	90	
12	INS7095	Hoạch định và quản trị chiến lược <i>Strategic Planning and Management</i>	3	30	30	90	
13	INS7096	Quản trị rủi ro tài chính <i>Financial Risk Management</i>	3	30	30	90	
	<i>Các học phần lựa chọn (9/21 tín chỉ)</i>						
14	INS7015	Thị trường và các định chế tài chính quốc tế <i>International Financial Markets and Institutions</i>	3	30	30	90	
15	INS7090	Thuế <i>Taxation</i>	3	30	30	90	
16	INS7098	Tài chính phái sinh <i>Financial Derivatives</i>	3	30	30	90	
17	INS7099	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp <i>Mergers & Acquisitions</i>	3	30	30	90	
18	INS7102	Kiểm soát quản trị <i>Corporate Governance</i>	3	30	30	90	
19	INS7039	Quản trị tài chính quốc tế	3	30	30	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)	Tự học (3)	
		<i>International Financial Management</i>					
20	INS7021	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế nâng cao <i>Advanced International Human Resource Management</i>	3	30	30	90	
III. Khối kiến thức tốt nghiệp (18 tín chỉ)							
21	INS7091	Thực tập thực tế 1 <i>Internship 1</i>	4	15	0	185	
22	INS7092	Thực tập thực tế 2 <i>Internship 2</i>	5	0	0	250	
23	INS7209	Đề án tốt nghiệp <i>Thesis</i>	9	0	0	450	
Tổng			60				

Ghi chú:

**Học phần tiếng Anh B2* gồm 5 tín chỉ. Kết quả đánh giá học phần này không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

**Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.*

(1): Lý thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá